

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang, cán bộ thuộc UBND xã, phường, thị trấn và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh

KHẨN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 60/STC-QLNS ngày 05/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay hỗ trợ cho: Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, chiến sỹ thuộc các lực lượng vũ trang; cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố; các đối tượng chính sách của tỉnh nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 theo các mức cụ thể như sau:

1. Mức 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (kể cả cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan nhà nước, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh), cơ quan đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức hội được nhà nước cấp kinh phí giao nhiệm vụ.

b) Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang thuộc tỉnh đang được cử đi học tập trung tại các trường chuyên nghiệp, trường bổ túc văn hóa, trường dạy nghề, các trường đảng, đoàn thể và các trường quân đội, công an còn trong biên chế ở cơ quan nhưng đã chuyển tiền lương về các trường quản lý chi trả.

c) Cán bộ và chiến sỹ quân đội nhân dân Việt Nam thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thuộc Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, thuộc các cơ quan trung

ương đóng trên địa bàn tỉnh.

d) Cán bộ và chiến sỹ công an nhân dân; công nhân công an; lao động hợp đồng đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an tỉnh và thuộc các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; học sinh thuộc Công an tỉnh đang học tại các trường.

đ) Cán bộ hưu trí, cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa.

e) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện không hưởng lương từ ngân sách nhà nước; đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã; cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, khu phố; phó trưởng thôn, khu phố, công an viên thôn (trừ đại biểu và cán bộ chuyên trách, công chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là cán bộ hưu trí hoặc công chức, viên chức trong biên chế Nhà nước đang tăng cường công tác tại xã, phường và thị trấn đã được hưởng theo quy định tại các điểm nêu trên của Quyết định này).

g) Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.

h) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh B), bệnh binh, công nhân viên chức bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có tỷ lệ mất sức lao động từ 61% trở lên. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

i) Người lao động hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; người lao động của các tổ chức hội được nhà nước cấp kinh phí giao nhiệm vụ; người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp được các cơ quan có thẩm quyền giao; người lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ; người lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ nấu ăn tại các trường mầm non, trường dân tộc nội trú; người lao động của lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách tại các ban quản lý rừng phòng hộ.

k) Cán bộ xã già yếu nghỉ việc trước đây đã giải quyết hưởng chế độ theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111/HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) trước khi ban hành các Nghị định số 46/CP ngày 23 tháng 6 năm 1993, Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ.

2. Mức 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng), gồm:

a) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (kể cả thương binh B) có tỷ lệ mất sức lao động từ 21% đến 60%; bệnh binh có tỷ lệ mất sức lao động từ 41% đến 60%; công nhân viên chức bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp có tỷ lệ mất sức lao động từ 31% đến 60%; người có công giúp đỡ

cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng và trợ cấp 01 lần; dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang hưởng trợ cấp 01 lần theo Quyết định số 49/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; người hoạt động kháng chiến hưởng trợ cấp một lần (kể cả những người được hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ); người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày; thân nhân chủ yếu của liệt sỹ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người phục vụ thương binh, bệnh binh; người hưởng chính sách như thương binh, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học sống ở gia đình; thanh niên xung phong đã có quyết định hưởng chế độ thường xuyên hoặc một lần; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 60%; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến có thành tích được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Quân nhân đang hưởng trợ cấp hàng tháng và 01 lần theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11/4/2002, Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hàng tháng và 01 lần theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Công chức, viên chức nghỉ chính sách đang hưởng chế độ mất sức lao động dài hạn, nghỉ chờ hưu.

đ) Thân nhân chủ yếu của người chết đang hưởng tuất từ trần.

e) Dân quân thuộc tiểu đội thường trực tại các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, thị xã, thành phố; dân quân thuộc tiểu đội cơ động làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu tại các xã, phường, thị trấn (mỗi xã, phường, thị trấn là 09 đồng chí); thôn đội trưởng, khu đội trưởng ở các xã, phường, thị trấn và lực lượng bảo vệ dân phố tại các phường, thị trấn.

3. Đối với các doanh nghiệp nhà nước: Hỗ trợ cho viên chức, người lao động của đơn vị mình nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 với mức chi không quá 2.000.000 đồng/người.

4. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng hỗ trợ theo khoản 1 và khoản 2 Điều 1 của Quyết định này thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất; nếu đủ điều kiện hưởng cùng một mức hỗ trợ thì được hưởng một suất hỗ trợ

tương ứng với mức hỗ trợ đó.

Điều 2.

1. Hỗ trợ tiền thờ cúng liệt sỹ cho thân nhân liệt sỹ không hưởng trợ cấp tuất liệt sỹ hàng tháng nhưng đang giữ bằng Tổ quốc ghi công và thờ cúng liệt sỹ nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024.

a) Mức hỗ trợ: 1.600.000 đồng/01 suất thờ cúng liệt sỹ (mỗi liệt sỹ được hưởng một suất hỗ trợ).

b) Các đối tượng đã được hỗ trợ theo Điều 1 của Quyết định này, nếu thuộc đối tượng là thân nhân liệt sỹ không hưởng trợ cấp hàng tháng nhưng đang giữ bằng Tổ quốc ghi công và thờ cúng liệt sỹ thì được hỗ trợ thêm tiền thờ cúng quy định tại Điều 2 Quyết định này.

2. Hỗ trợ tiền thờ cúng đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã mất cho thân nhân thờ cúng trực tiếp với mức hỗ trợ 1.600.000 đồng/01 suất thờ cúng (mỗi Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã mất được hưởng một suất hỗ trợ).

Điều 3. Nguồn kinh phí và phương thức thực hiện hỗ trợ tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024:

1. Đối với các cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức hội được Nhà nước cấp kinh phí giao nhiệm vụ, đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cấp tỉnh: Sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024 để chi trả tiền hỗ trợ.

2. Đối với các đơn vị thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính sử dụng nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2024 để xét duyệt, cấp kinh phí chi trả tiền hỗ trợ.

3. Đối với các lực lượng vũ trang công an, biên phòng, quân sự (bao gồm tiểu đội dân quân thường trực tại các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, thị xã, thành phố) sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024 để chi trả tiền hỗ trợ tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024.

4. Đối với các doanh nghiệp nhà nước: Chủ động sử dụng quỹ khen thưởng hoặc quỹ phúc lợi của đơn vị để hỗ trợ cho viên chức, người lao động của đơn vị mình. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước không có quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi thì được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh.

5. Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, thị xã, thành phố và ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (bao gồm tiểu đội dân quân cơ động làm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu tại các xã, phường, thị trấn (mỗi xã, phường, thị trấn là

09 đồng chí), thôn đội trưởng, khu đội trưởng và lực lượng bảo vệ dân phố) do ngân sách các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn tự cân đối trong dự toán chi ngân sách địa phương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024 để chi trả tiền hỗ trợ.

6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Sử dụng từ nguồn tự chủ của đơn vị để thực hiện hỗ trợ cho viên chức, người lao động của đơn vị mình.

7. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục của các huyện, thị xã, thành phố: Sử dụng nguồn tự chủ của đơn vị để thực hiện hỗ trợ cho viên chức, người lao động của đơn vị mình nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Trường hợp có khó khăn về nguồn kinh phí để chi trả tiền hỗ trợ, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động sử dụng dự toán chi sự nghiệp giáo dục khác, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và nguồn vượt thu ngân sách địa phương (nếu có) của các huyện, thị xã, thành phố để hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục. Nếu sau khi ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sử dụng các nguồn lực của ngân sách địa phương nhưng vẫn còn thiếu, đề nghị ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, hỗ trợ theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

8. Đối với các đối tượng chính sách: Giao Sở Tài chính căn cứ vào dự toán kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024 giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024 để chi trả tiền hỗ trợ.

Điều 4. Tổ chức thực hiện.

1. Các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh khẩn trương lập dự toán kinh phí hỗ trợ tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 gửi Sở Tài chính để cấp kinh phí hỗ trợ tết theo quy định.

2. Cơ quan tài chính các cấp bảo đảm nguồn kinh phí (nguồn dự toán ngân sách nhà nước đã được UBND tỉnh giao năm 2024 và nguồn vượt thu ngân sách địa phương (nếu có)), để số tiền hỗ trợ tết phải đến các đối tượng được hưởng như quy định **trước ngày 30/01/2024**.

3. Cơ quan chủ quản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện chi trả cho đối tượng được hưởng theo quy định **trước ngày 30/01/2024** và kiểm tra, giám sát việc chi trả và thanh quyết toán theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao tự chủ tài chính giai đoạn năm 2023-2025 thì thực hiện theo chế độ tự chủ tài chính được giao năm 2022; sau khi được giao tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 sẽ điều

chính nguồn kinh phí theo Điều 3 của Quyết định này.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc chi trả cho các đối tượng chính sách quy định tại Quyết định này; phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận kinh phí để Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chi trả hỗ trợ tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho đối tượng quy định tại Quyết định này do ngành Bảo hiểm xã hội quản lý chi trả lương, trợ cấp hàng tháng; đảm bảo số tiền hỗ trợ tết phải đến các đối tượng chính sách **trước ngày 30/01/2024**.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các địa phương, đơn vị tổ chức chi trả tiền hỗ trợ tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 trên địa bàn, đảm bảo số tiền hỗ trợ tết phải đến các đối tượng chính sách **trước ngày 30/01/2024**.

6. Trường hợp các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn sau khi đã sử dụng hết nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 3 Quyết định này nhưng vẫn chưa đảm bảo kinh phí để hỗ trợ tiền tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 thì cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính tổng hợp) để xem xét, giải quyết.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Tổ chức chính trị - xã hội;
- Tổ chức xã hội- nghề nghiệp;
- Cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Cơ quan thuộc HĐND tỉnh;
- Cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Chánh Văn phòng, các PVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QTTV, TH. Ngọc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đoàn Anh Dũng